TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 870/2017/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 10 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 727/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc "Thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1989

Thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: 250 đường X, khu phố 5, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1986

Thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: 250 đường X, khu phố 5, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị M với người yêu cầu: ông Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/02/2012 cho bà Nguyễn Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ cấp

dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng (năm trăm ngàn đồng), bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2017, giao nhận vào ngày cuối cùng của mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất mà các bên tự thỏa thuận là 10%/năm.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

2.2 Về tài sản chung: không có.

2.3. Về nợ chung: Không có.

2.4. Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ và bà M cùng phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0015797 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; ông Đ và bà M đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CC.THADS quận Thủ Đức;
- Hai bên đương sự;
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Thủy